

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-PT**

Ngày 05 - 01 - 2023

*“V/v ly hôn, nợ chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy Năng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

Bà Thái Thị Phi Yến

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022 về ly hôn và nợ chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐXX-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 136/TB-TA ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm: 1970; cư trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Mai Quốc T**, sinh năm: 1969; cư trú tại: Tổ A, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam**; Trụ sở: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam; Có đơn xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Mai Quốc T - Là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Quốc T xây dựng gia đình năm 1992, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng. Trong những năm gần đây, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C khai nhận bà và ông T có 02 con chung là Mai Quốc K, sinh năm 1992 và Mai Quốc Đ, sinh năm 2002. Các con đều đủ tuổi thành niên nên ly hôn bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà C đã rút yêu cầu về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Bà C khai nhận ông Mai Quốc T có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T số tiền 600.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 4211LAV202100976 ngày 08/6/2021; tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là nhà đất tại thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên ngân hàng thông báo gia đình bà phải trả toàn bộ khoản vay. Do ông T không chịu trả nợ, lo sợ ngôi nhà mà bà và các con hiện đang sinh sống bị ngân hàng xử lý để thu hồi nợ nên ngày 24/5/2022 bà C đã tự mình đứng ra thế chấp nhà đất riêng tại thửa đất số A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng đứng tên vay số tiền 600.000.000đ để thanh toán khoản vay vào năm 2021 nêu trên, ngoài ra bà còn trả thêm khoản tiền lãi là 33.075.616đ. Do vậy, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu buộc ông Mai Quốc T thối trả cho bà  $\frac{1}{2}$  khoản tiền đã vay là 600.000.000đ và tiền lãi đã trả là: 46.686.574đ; Trong đó, tiền lãi 33.075.616 đồng trả theo hợp đồng vay ngày 08/6/2021 và tiền lãi của tháng 6, 7 và 8/2022 theo hợp đồng vay ngày 24/5/2022 là 13.610.958đ. Tại phiên tòa, bà C rút yêu cầu phân chia số tiền đã trả lãi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Quốc T thối trả cho bà số tiền 300.000.000đ.

***Bị đơn ông Mai Quốc T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim C xây dựng gia đình năm 1992, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; hôn nhân hoàn toàn tự

nguyên. Quá trình chung sống, ông T xác nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 nhưng nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, làm ăn kinh tế. Ông bị tai nạn không làm việc được nên nảy sinh mâu thuẫn. Bà C cho rằng ông có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và có con riêng thì ông T không thừa nhận. Ông xác định là cha đỡ đầu của cháu bé và đứng tên khai sinh cha của cháu, ông không hề có quan hệ ngoại tình.

Về con chung: Ông T xác định ông và bà Trần Thị Kim C có 02 con chung là Mai Quốc K, sinh năm 1992 và Mai Quốc Đ, sinh năm 2002, các con chung đều đã thành niên nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà C đã rút yêu cầu về chia tài sản chung. Ông cũng thống nhất về việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà C.

Về nợ chung: Ông T khai nhận, vào năm 2020 ông và bà C có vay số tiền 600.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T làm vốn (Trong đó, số tiền 350.000.000 đồng vay giúp ông Mai Quốc K, còn lại số tiền 250.000.000 đồng hai vợ chồng làm vốn làm ăn). Trong thời gian dịch bệnh, ông làm ăn không thành nhưng phải trả lãi và thanh lý hợp đồng vay.

Sau đó, năm 2021 vợ chồng ông vay lại số tiền 600.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, để đáo hạn hợp đồng trước đó. Dịch bệnh tiếp tục, ông T làm ăn thua lỗ chưa kịp trả lãi cho Ngân hàng. Ông T có nói với bà C trích tiền bạc ra để trả vì tài sản và tiền bạc do bà C nắm giữ. Đến ngày 24/5/2022, bà C ra Ngân hàng trả hết số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Đối với yêu cầu về việc buộc ông thối trả cho bà C số tiền 300.000.000đ mà bà C cho là đã dùng khoản tiền vay riêng của bà C để thanh toán nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 4211LAV202100976 ngày 08/6/2021 thì ông không đồng ý, bởi lẽ: Bà C dùng tiền để thanh toán nợ có trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của vợ chồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 4211LAV202200882 ngày 24/5/2022, tự bà C đứng ra ký kết trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của ông bà, việc vay mượn này ông không biết và không được sự đồng ý của ông, mục đích vay tiền là để mua keo không phải để trả nợ vay của hợp đồng cũ. Vì vậy, Ông T không đồng ý yêu cầu của bà C buộc ông phải trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T trình bày:***

Ông Mai Quốc T và bà Trần Thị Kim C đã nhiều năm vay mượn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T.

Đối với hợp đồng tín dụng số 4211LAV202100976 ngày 08/6/2021, ông Mai Quốc T là người đứng ra vay 600.000.000 đồng. Ngày 24/5/2022, bà Trần Thị Kim C thanh toán toàn bộ gốc 600.000.000 đồng và lãi 33.075.616 đồng đối với hợp đồng trên.

Cùng ngày 24/5/2022, cá nhân bà C đã ký kết hợp đồng tín dụng số 4211LAV202200882 và được Ngân hàng giải ngân số tiền 600.000.000 đồng. Trường hợp bà C yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ khoản vay này, Ngân hàng không đồng ý, đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Với nội dung trên, Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L đã xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Kim C được ly hôn với ông Mai Quốc T.

2. Về nợ chung: Buộc ông Mai Quốc T trả bà Trần Thị Kim C số tiền đã thanh toán nợ chung là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Trần Thị Kim C .

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.800.000 đồng theo Biên lai thu số 0008704 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền chênh lệch 12.500.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ông Mai Quốc T phải chịu: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) án phí phân chia nợ chung.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/10/2022, ông Mai Quốc T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Ông T không chấp nhận ly hôn với bà C vì ông còn yêu thương bà C.
- Trong trường hợp ly hôn, ông T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.
- Ông T không chấp nhận hợp đồng vay số 4211LAV202200882 ngày 24/5/2022 là nợ chung của vợ chồng.

Ngày 19/12/2022, ông Mai Quốc T có đơn kháng cáo bổ sung như sau:

- Ông T không chấp nhận ly hôn với bà C vì ông còn yêu thương bà C.

- Trong trường hợp ly hôn, ông T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, đồng thời buộc bà C trả lại quyền sử dụng đất thửa A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, diện tích 88,7 m<sup>2</sup>, vì đây là tài sản ông được ủy quyền.

- Ông T không chấp nhận hợp đồng vay số 4211LAV202200882 ngày 24/5/2022 là nợ chung của vợ chồng, đồng thời hủy hợp đồng sai phạm của Ngân hàng và bà C đã ký kết.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn ông Mai Quốc T rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân, ông T đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim C. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia nợ chung và được bị đơn ông Mai Quốc T đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Quốc T đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim C, rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân, vì vậy căn cứ Điều 289, Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm 01 phần vụ án về quan hệ hôn nhân.

+ Về tranh chấp nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nợ chung và được bị đơn ông Mai Quốc T đồng ý, căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm ra quyết định hủy và đình chỉ giải quyết một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về quan hệ: “Tranh chấp nợ chung”.

+ Về án phí các bên đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2022, ông Mai Quốc T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, đơn kháng cáo của ông Mai Quốc T là hợp lệ, nên được cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của ông Mai Quốc T về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Mai Quốc T rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim C .

Xét thấy việc rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn của ông Mai Quốc T là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289; Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm về quan hệ hôn nhân. Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về quan hệ hôn nhân có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Mai Quốc T về quan hệ nợ chung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nợ chung và được bị đơn ông Mai Quốc T đồng ý.

Xét thấy: Bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và được ông T đồng ý. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy và đình chỉ giải quyết về phần nợ chung tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét kháng cáo của ông Mai Quốc T về việc chia tài sản chung, thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, bà C rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, ông T cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Nay ông T kháng cáo về việc chia tài sản chung, HĐXX cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết.

[5] Xét kháng cáo của ông Mai Quốc T về việc không chấp nhận hợp đồng vay số 4211LAV202200882 ngày 24/5/2022 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam là nợ chung của vợ chồng, đồng thời hủy hợp đồng sai phạm của Ngân hàng và bà C đã ký kết. Xét thấy, tại giai đoạn sơ thẩm, các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng vay như trên, nên HĐXX cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết.

Các quan hệ về tài sản chung và nợ chung, khi các bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 12.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008704 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền chênh lệch 12.500.000đ (mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ông Mai Quốc T không phải chịu án phí phân chia nợ chung.

[7] Về án phí phúc thẩm: Tại phiên tòa, ông Mai Quốc T rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân, nên ông Mai Quốc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005502 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông Mai Quốc T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289; Điều 299; Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về quan hệ hôn nhân. Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về quan hệ hôn nhân có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Hủy và đình chỉ giải quyết về phần nợ chung tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 12.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008704 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền chênh lệch 12.500.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ông Mai Quốc T không phải chịu án phí phân chia nợ chung.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai Quốc T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005502 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông Mai Quốc T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND quận L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Năng**